

MÔ HÌNH NHÂN CÁCH NGƯỜI GIẢNG VIÊN BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VÀ KHOA SƯ PHẠM CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS. THÁI HUY BẢO
 Trường Đại học Sài Gòn

Phát triển đội ngũ giảng viên (GV) đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao về chất lượng hiện đang được xem là *khâu then chốt* trong đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

Để phát triển vững chắc đội ngũ GV trong các trường ĐH, cần phải xác định rõ họ là ai, họ có vai trò và chức năng gì; họ cần phải có những phẩm chất và năng lực gì? Từ đó, xây dựng mô hình nhân cách người giảng viên đại học (GVĐH) trong thời đại mới, với những năng lực và phẩm chất từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế.

1. Mô hình nhân cách người giảng viên đại học

Xung quanh mô hình nhân cách người GVĐH đã có nhiều quan niệm khác nhau. Ở các trường ĐH hàng đầu trên thế giới, người GVĐH được định nghĩa trong 3 chức năng: *nhà giáo dục; nhà khoa học và nhà cung ứng dịch vụ cho xã hội*.

- GVĐH trước hết là một nhà giáo giỏi, người được trang bị bốn nhóm kiến thức/kĩ năng sau: *Kiến thức chuyên ngành; kiến thức về chương trình đào tạo; kiến thức và kĩ năng về dạy học và kiến thức về môi trường giáo dục, hệ thống giáo dục, mục tiêu giáo dục, giá trị giáo dục...*

- GVĐH là nhà khoa học, người có khả năng nghiên cứu, giải thích và dự báo các vấn đề của tự nhiên - xã hội mà loài người và khoa học chưa có lời giải.

- GVĐH là nhà cung ứng dịch vụ cho xã hội, người tham gia công tác quản lí, các công việc hành chính, tham gia các tổ chức xã hội, cố vấn cho sinh viên (SV), liên hệ thực tập, tìm chỗ làm cho SV, phản biện cho các tạp chí khoa học, tham dự và tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học...

Thực hiện đầy đủ và toàn diện cả ba chức năng trên là một thách thức lớn không chỉ cho từng GV mà cho cả hệ thống giáo dục. Hiện nay và trong tương lai gần, một yếu tố quan trọng nữa cũng cần phải được đưa vào mô hình là yếu tố *quốc tế hóa*. Nghĩa là vai trò của các GVĐH hay các trường ĐH sẽ không còn giới hạn trong phạm vi quốc gia, mà tầm hoạt động phải hướng đến một không gian toàn cầu, phi biên giới [1].

Khi đề cập đến mô hình nhân cách người GVĐH, các nhà nghiên cứu trên thế giới thường quan tâm nhiều hơn đến vấn đề *năng lực nghề nghiệp* của họ.

Hội nghị quốc tế về GDĐH thế kỉ XXI đã nêu lên những năng lực cần có của một GV ĐH mẫu mực, bao

gồm: 1) Có kiến thức và sự thông hiểu về các cách học khác nhau của SV; 2) Có kiến thức, năng lực và thái độ về mặt theo dõi đánh giá SV nhằm giúp họ tiến bộ; 3) Tự nguyện hoàn thiện bản thân trong ngành nghề của mình; biết ứng dụng những tiêu chí nghề nghiệp và luôn luôn cập nhật những thành tựu mới nhất; 4) Biết ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào môn học, ngành học của mình; 5) Có khả năng nhận biết được tín hiệu của *thị trường* bên ngoài về nhu cầu của giới chủ đối với SV tốt nghiệp; 6) Làm chủ được những thành tựu mới về dạy và học, từ cách dạy học mặt giáp mặt đến cách dạy học từ xa; 7) Chú ý đến quan điểm và mong ước của *khách hàng*; 8) Hiểu được những tác động của nhân tố quốc tế và đa văn hóa đối với các chương trình đào tạo; 9) Có khả năng dạy nhiều loại hình SV khác nhau, thuộc những nhóm khác nhau về độ tuổi, môi trường kinh tế- xã hội, dân tộc; 10) Có khả năng bảo đảm các giờ giảng chính khóa, seminar hoặc tại các xưởng sản xuất với số lượng SV đông; 11) Có khả năng hiểu được những *chiến lược thích ứng* về nghề nghiệp của các cá nhân...

Ở nước ta, một số tác giả (Trần Khánh Đức, Nguyễn Văn Đệ, Trần Thị Mỹ Lộc) đã đưa ra mô hình tổng thể của người GV trong nền GDĐH hiện đại với các chức năng nghề nghiệp. Một số tác giả khác lại tiếp cận mô hình nhân cách người GVĐH dưới góc độ phẩm chất - hoạt động: *Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; giảng dạy; nghiên cứu khoa học; hoạt động phát triển đơn vị, phục vụ xã hội và cộng đồng*. Quan điểm của chúng tôi thiên về xem xét mô hình người GVĐH dưới góc độ chức năng nghề nghiệp của họ. Từ đó, GVĐH được nhìn nhận là *nhà giáo tâm huyết, nhà khoa học chân chính, nhà cung ứng dịch vụ trách nhiệm và nhà hội nhập quốc tế hiệu quả*.

2. Mô hình nhân cách người giảng viên bộ môn phương pháp giảng dạy trong các trường đại học sư phạm và khoa sư phạm của các trường đại học

Mô hình nhân cách người GV bộ môn phương pháp giảng dạy (PPGD) trong các trường đại học sư phạm (ĐHSP) và khoa sư phạm của các trường ĐH cũng mang những yếu tố chung của người GVĐH. Tuy nhiên, những đặc trưng trong lao động sư phạm của họ (Thấm đượm tính nghệ thuật; kết nối giữa khoa học cơ bản với khoa học giáo dục, giữa việc dạy học ở trường SP với việc dạy học ở trường phổ thông; chú trọng tính chất "*làm mẫu*" trong lao động sư phạm của

mình; kết hợp chặt chẽ giữa dạy nghề và thực hành nghề cho SV; hướng vào việc xác lập đạo đức và tình cảm nghề nghiệp cho SV; dạy cách dạy, dạy cách học cho SV...) cùng với sự chuyển dịch trọng tâm trong chương trình đào tạo giáo viên phổ thông hiện nay (Đi sâu hơn vào khoa học giáo dục, coi đó là nền tảng của nghề dạy học; coi trọng nghiên cứu khoa học giáo dục, tập trung vào năng lực giải quyết vấn đề và hành vi ứng xử trong các tình huống khác nhau; nâng cao chất lượng thực hành, thực tập)... đòi hỏi người GV bộ môn PPGD trong các trường ĐHSP và khoa sư phạm của các trường ĐH phải đáp ứng những yêu cầu riêng trong từng chức năng của người GV nói chung.

Từ đó, có thể xác định mô hình nhân cách của người GV bộ môn PPGD trong các trường ĐHSP và khoa sư phạm của các trường ĐH với các đặc trưng: *Nhà giáo giỏi; nhà khoa học giáo dục chân chính; nhà cung ứng dịch vụ giáo dục đầy trách nhiệm; nhà hội nhập quốc tế hiệu quả trong lĩnh vực phát triển chương trình và đào tạo giáo viên.*

2.1. GV bộ môn PPGD là nhà giáo giỏi

Theo chúng tôi, có thể phác thảo *chân dung* GV bộ môn PPGD - nhà giáo giỏi, trên những nét cơ bản sau đây:

- Có kiến thức sâu rộng về các học phần PPGD mà mình đảm nhận: Kiến thức sâu rộng là điều kiện đầu tiên để người GV bộ môn PPGD dạy giỏi các học phần mà mình đảm nhận, để *"biết mười dạy một"* và có kinh nghiệm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục (KHGD);

- Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản của một ngành đào tạo SP: Người GV bộ môn PPGD không những nắm vững kiến thức KHGD mà còn phải nắm vững kiến thức khoa học cơ bản (KHCB) của một ngành đào tạo sư phạm. Họ phải làm tốt vai trò cầu nối, thực hiện *cơ chế tích hợp* giữa KHCB và KHGD. Hơn nữa, họ còn phải biết chuyển hóa mối quan giữa KHCB và KHGD thành năng lực dạy học - giáo dục ở SV của mình;

- Sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực theo hướng rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo và khả năng tự học của SV: Đi tiên phong trong đổi mới PPGD là một trong những vai trò của người GV bộ môn PPGD ở các trường/khoa ĐHSP. Với vai trò này, người GV bộ môn PPGD phải sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực theo hướng rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo và khả năng tự học của SV; kết hợp chặt chẽ giữa dạy cách dạy và dạy cách học cho SV;

- Nắm vững kĩ thuật dạy học ở mức độ có thể triển khai thành quy trình công nghệ: Có thể xem đây là một *năng lực chuyên biệt* của người GV bộ môn PPGD. Việc nắm vững kĩ thuật dạy học ở mức độ có thể triển khai thành quy trình công nghệ thực sự đem lại hiệu quả tối ưu trong bồi dưỡng kĩ năng dạy học cho SV SP;

- Biết tiếp cận đúng đắn chương trình giáo dục phổ thông và thâm nhập thực tiễn dạy học phổ thông một

cách hiệu quả: Chương trình giáo dục phổ thông đang có sự đổi mới một cách mạnh mẽ, theo hướng tích hợp, phân hoá, đẩy mạnh giáo dục quốc phòng, an ninh, tăng cường các hoạt động xã hội của HS để bảo tồn các truyền thống văn hoá xã hội, nhằm xây dựng một nền học vấn phổ thông cơ bản, vững chắc, phát triển năng lực cá nhân của người học, phù hợp với điều kiện học tập của mỗi HS.

Sự đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông đòi hỏi người GV bộ môn PPGD phải biết cách tiếp cận đúng đắn đối với toàn bộ chương trình môn học cũng như từng bài học.

Người GV bộ môn PPGD cũng cần phải biết cách thâm nhập thực tiễn dạy học phổ thông, để từ đó có cái nhìn đầy đủ về dạy học ở phổ thông, làm cơ sở cho việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo ở các trường ĐHSP và khoa sư phạm của các trường ĐH.

- Có năng lực tích hợp nội dung giáo dục tình cảm và trách nhiệm nghề nghiệp cho SV thông qua các học phần PPGD: Cùng với năng lực nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp là một trong hai yếu tố làm nên thành công đối với lao động nghề nghiệp của mỗi người. Trong trường ĐHSP, đạo đức nghề dạy học được hình thành ở SV chủ yếu thông qua các học phần Tâm lí - Giáo dục học và PPGD. Do đó, người GV bộ môn PPGD phải có năng lực tích hợp nội dung giáo dục tình cảm và trách nhiệm nghề nghiệp cho SV thông qua các học phần PPGD...

2.2. GV bộ môn PPGD là nhà khoa học giáo dục chân chính

Ở các nước phát triển trên thế giới, người ta rất quan tâm đến nghiên cứu KHGD. Hầu như mọi quyết sách trong giáo dục đều dựa trên những thành tựu nghiên cứu của KHGD.

KHGD là khoa học về giảng dạy và giáo dục trong nhà trường, là khoa học nền tảng của nghề dạy học, do đó "cần phải được nghiên cứu nghiêm túc, công phu để rồi trên cơ sở của những kết quả nghiên cứu đó, các trường SP giúp cho SV sở hữu cái khoa học ấy để họ có vốn mà hành nghề" [5].

Với chức năng của một nhà KHGD chân chính, người GV bộ môn PPGD cần phải có các năng lực sau đây:

- Biết lựa chọn đề tài và xây dựng chương trình nghiên cứu KHGD: Phải dựa trên yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, thực trạng đào tạo giáo viên của nhà trường để xác định những vấn đề cần nghiên cứu. Có thể, cần tập trung vào các vấn đề như: Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực, sáng tạo của người học; những thay đổi trong lao động sư phạm của người giáo viên trước xu thế đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện hiện đại trong dạy học; xây dựng môi trường giáo dục, kết hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội...

- Nắm vững phương pháp, quy trình, kĩ thuật

ngiên cứu KHGD: Trong nghiên cứu KHGD, người nghiên cứu phải nắm vững phương pháp luận (quan điểm hệ thống - cấu trúc; quan điểm lịch sử - logic; quan điểm thực tiễn...) và các phương pháp nghiên cứu cụ thể (phương pháp nghiên cứu lí luận; phương pháp nghiên cứu thực tiễn; phương pháp thống kê toán học). Đồng thời phải nắm vững và triển khai có hiệu quả các giai đoạn của một công trình nghiên cứu KHGD (giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu; giai đoạn tiến hành nghiên cứu; giai đoạn hoàn thành và bảo vệ công trình nghiên cứu).

- Biết ứng dụng những thành tựu mới của khoa học SP vào trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên các cấp: Ở các trường ĐHSP, khoa sư phạm của các trường ĐH, mục đích của nghiên cứu KHGD là để ứng dụng vào trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng chuẩn hóa giáo viên các cấp. Vì thế, người GV bộ môn PPGD phải có ý thức và kĩ năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu của mình phục vụ cho công tác đào tạo giáo viên;

- Có kĩ năng hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học SP: GV bộ môn PPGD không chỉ tích cực nghiên cứu khoa học SP mà còn có nhiệm vụ hướng dẫn SV nghiên cứu KHGD. Nếu được tổ chức một cách bài bản, công việc này không những góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn bồi dưỡng cho những *giáo viên tương lai* nhu cầu và kĩ năng nghiên cứu KHGD;

- Có kĩ năng công bố các kết quả nghiên cứu KHGD của mình trên các tạp chí chuyên ngành hoặc trong các hội nghị, hội thảo khoa học: Kĩ năng công bố các kết quả nghiên cứu KHGD của mình trên các tạp chí chuyên ngành hoặc trong các hội nghị, hội thảo khoa học cũng là một thành phần không thể thiếu được trong chức năng nghiên cứu KHGD của người GV bộ môn PPGD. Nếu các kết quả nghiên cứu KHGD không được công bố thì hiệu quả phổ biến và ứng dụng của chúng sẽ giảm đi rất nhiều.

2.3. GV bộ môn PPGD là nhà cung ứng dịch vụ giáo dục đầy trách nhiệm

Người GV bộ môn PPGD có trách nhiệm cung ứng các dịch vụ của mình cho SV, cho nhà trường và cho giáo viên phổ thông, góp phần truyền bá kiến thức KHGD, đổi mới PPGD - học tập...

Với chức năng của một nhà cung ứng các dịch vụ giáo dục đầy trách nhiệm, người GV bộ môn PPGD cần phải có các năng lực sau đây:

- Giúp đỡ SV những vấn đề về phương pháp học tập: Vào đại học được 1- 2 học kì, nhiều SV vẫn lúng túng trong việc định hình phương pháp học tập của mình. Vì thế, những SV này rất cần sự giúp đỡ của các GV. Dạy cách học cho SV phải trở thành một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo của các trường ĐHSP, khoa sư phạm của các trường ĐH, và của các GV bộ môn PPGD;

- Có kĩ năng tư vấn cho SV trong soạn bài, tập giảng: Soạn bài, tập giảng là một công việc mà SV sư phạm cần

phải tiến hành một cách chu đáo trước khi đi thực tập. Ở giai đoạn thực hành trên "*đồi tượng giả định*" này, SV rất cần sự giúp đỡ của các GV bộ môn PPGD;

- Giúp đỡ giáo viên tập sự ở các trường phổ thông trên địa bàn giải quyết những khó khăn trong thời gian tập sự: Giáo viên tập sự là những giáo viên mới ra trường, họ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thích nghi với trường học và môi trường lớp học. Vì thế, GV bộ môn PPGD có thể giúp đỡ họ về phương pháp dạy học, về quản lí các hoạt động diễn ra trong lớp học, về đánh giá kết quả học tập của HS;

- Phổ biến các phương pháp dạy học mới cho giáo viên ở các trường phổ thông trên địa bàn: Đổi mới phương pháp dạy học hiện đang là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Một trong những định hướng của đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông là tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học có nhiều khả năng trong việc phát huy tính tích cực nhận thức của HS, như các phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp dạy học kiến tạo kiến thức... Tuy nhiên, để sử dụng được các phương pháp dạy học mới này, giáo viên phổ thông cần phải được bồi dưỡng một cách bài bản;

- Tham gia bồi dưỡng giáo viên phổ thông theo các chương trình bồi dưỡng chung của ngành hoặc theo đơn đặt hàng của các cơ sở giáo dục trên địa bàn: Đây cũng là một lĩnh vực trong chức năng cung ứng dịch vụ giáo dục của người GV bộ môn PPGD. Ngoài việc thực hiện các chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo chu kì của ngành, GV bộ môn PPGD ở các trường ĐHSP và khoa sư phạm còn có thể thực hiện các *hợp đồng bồi dưỡng* theo đơn đặt hàng của các cơ sở giáo dục...

2.4. GV bộ môn PPGD là một nhà hội nhập quốc tế hiệu quả trong lĩnh vực phát triển chương trình và đào tạo giáo viên

Đối với người GV bộ môn PPGD, yêu cầu hội nhập quốc tế đòi hỏi họ phải có các năng lực sau đây:

- Nắm bắt được các mô hình đào tạo giáo viên trên thế giới với những đồng nhất và khác biệt với mô hình đào tạo giáo viên của Việt Nam: Trên thế giới, hiện đang tồn tại nhiều mô hình đào tạo giáo viên: Mô hình đào tạo giáo viên trong các trường đại học tổng hợp; mô hình đào tạo giáo viên trong các trường sư phạm; mô hình đào tạo giáo viên trong các trường đại học tổng hợp đa lĩnh vực. Mỗi mô hình đều có ưu điểm và hạn chế của nó;

- Biết tiếp thu có chọn lọc các chương trình đào tạo giáo viên tiên tiến của thế giới: Trong chiến lược hội nhập quốc tế hiện nay, việc đưa chương trình tiên tiến vào trong các trường ĐH Việt Nam là một yêu cầu cấp thiết. Chương trình tiên tiến sẽ trang bị cho SV những kiến thức hiện đại, các kĩ năng nghề nghiệp, cùng khả năng sử dụng thành thạo các công cụ giao tiếp tin học và ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; giúp SV



phát huy các kĩ năng phân tích, đánh giá vấn đề, nhanh chóng thích nghi với mọi môi trường làm việc trong tương lai. Tuy nhiên, khi đưa các chương trình này vào trong các trường ĐH Việt Nam, trong đó có các trường ĐHSP, cần phải có sự tiếp thu, chọn lọc cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường;

- Biết nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học SP có khả năng thu hút người nước ngoài tham gia;

- Có kĩ năng khai thác mạng thông tin toàn cầu để tiếp cận tri thức PPGD một cách dễ dàng và chia sẻ thông tin trong đào tạo giáo viên cùng chuyên ngành với các trường ĐH trên thế giới...

Tóm lại: Để phát triển vững chắc đội ngũ GV bộ môn PPGD cần phải xác định rõ mô hình nhân cách của người GV bộ môn PPGD, dựa trên các chức năng cơ bản của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Thế Dũng, *Vài suy nghĩ về vai trò mới của giảng viên đại học*, Web ĐHBKTP Hồ Chí Minh, ngày 7/8/2007.
- [2] Trần Khánh Đức, *Một số vấn đề phát triển đội ngũ*

giảng viên đại học trong xã hội hiện đại, Tạp chí Giáo dục số 260, tháng 4/2011.

[3] Nguyễn Văn Đệ, *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học*, NXB ĐHSP, TP. Hồ Chí Minh, 2011.

[4] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, *Nghề và nghiệp của người giáo viên*, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, số 112/2004.

[5] Nguyễn Thị Bình, *Tham luận về khoa học sư phạm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Khoa học sư phạm trong chiến lược phát triển giáo viên, yếu tố căn bản đổi mới giáo dục Việt Nam*, ĐHSP Hà Nội, tháng 12/2011.

SUMMARY

In order to strongly develop lecturers, the teaching methodology subject should clearly identify personality model of the lecturer of this subject matter, on the basis of their functions including, for example, outstanding lecturer; authentic educational scientist; responsible education provider; effective international integrator in the areas of curriculum development and teacher training.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÁNH GIÁ THEO KIẾN THỨC... (Tiếp theo trang 13)

hoàn thành cho tới mức chuẩn mà HS có độ tuổi cao hơn mới thực hiện được. Vì vậy, công cụ dùng để đánh giá năng lực của HS phổ thông sẽ có một hệ thống các nhiệm vụ có độ chuẩn dùng cho HS từ 5 tuổi cho tới ít nhất là 18 tuổi. Tùy theo năng lực của HS mà giáo viên, các nhà quản lí có thể chọn trong dải các nhiệm vụ đó những nhiệm vụ phù hợp để đưa vào kiểm tra. Bản thân HS cũng có thể sử dụng các công cụ này để tự kiểm tra các năng lực của mình và có hướng phấn đấu để tự học, tự rèn luyện nâng cao thành tích.

Đánh giá theo năng lực có thể thực hiện trong đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình, đánh giá định kì và đánh giá tổng kết. Tuy nhiên, hạn chế của cách đánh giá này là rất khó phân tách việc đánh giá đó là thực hiện trong quá trình hay đánh giá tổng kết vì đều là xác định năng lực không có giới hạn về năm/khóa học. Mặt khác, việc thiết kế công cụ phục vụ cho đánh giá cũng khó hơn rất nhiều so với cách ra đề kiểm tra, đánh giá về kiến thức và kĩ năng. Hơn nữa, sau khi đã có bộ công cụ bảo đảm thì việc hướng dẫn những người sử dụng bộ công cụ (giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục, HS...) đúng và hiệu quả cũng sẽ là vấn đề cần quan tâm. Do đánh giá năng lực không chú trọng vào việc so sánh kết quả giáo dục giữa các HS nên cũng sẽ gây những phản ứng của một bộ phận xã hội đã quen với cách đánh giá so sánh các cá nhân với nhau.

Dù có một số hạn chế nhất định, đánh giá theo năng lực vẫn khẳng định được đây là phương thức đánh giá tiên tiến nhằm giúp cho HS nói riêng và người

học nói chung xác định được năng lực của mình để có hướng điều chỉnh khắc phục những năng lực còn hạn chế, phát huy những năng lực mạnh để phấn đấu đạt mục tiêu cá nhân, phát triển và khẳng định bản thân, chọn được chỗ đứng thích hợp trong xã hội hiện đại có nhiều biến đổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Đức Nhuận, *Cơ sở khoa học của việc đánh giá chất lượng và hiệu quả giáo dục*, Đề tài C2, Viện KHGD Việt Nam, 1993.
2. Lương Việt Thái, *Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học*, Đề tài B2008-37-52TĐ, Viện KHGD Việt Nam, 2011.
3. Paul Weeden, *Jan Winter and Patricia Broadfoot, Assessment What's in it for schools?*, Routledge Taylor & Francis Group, 2008.
4. Nguyễn Thị Lan Phương (chủ biên), Dương Văn Hưng, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Lê Thạch, *Đánh giá kết quả học tập của HS phổ thông- Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.

SUMMARY

The article presents some key aspects regarding knowledge, skills and competences of students. In this article, the author has analyzed the following: 1/ purpose of learning outcomes assessment; 2/ learning outcomes assessment by knowledge, skills and attitudes; 3/ competency-based assessment.